

Số:4182 /KH-SGDĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể
Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm
lĩnh vực giáo dục và đào tạo

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Căn cứ Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm và Chương trình số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị, Công văn số 4669/QHKT-TH ngày 09/7/2026 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch tổng thể tầm nhìn 100 năm; Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án và sản phẩm có tiến độ, cơ quan thực hiện và nguồn lực cụ thể.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên biệt và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phối hợp phát triển giáo dục đại học, các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, thuận lợi và chất lượng cho người dân Thủ đô.

- Làm căn cứ rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục; lập danh mục dự án đầu tư; bố trí quỹ đất, nguồn vốn, đội ngũ và các điều kiện bảo đảm thực hiện theo từng giai đoạn.

2. Yêu cầu

- Bám sát Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, Chương trình số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 02-

NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị, các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, sử dụng đất và phát triển đô thị của Thành phố; bảo đảm thống nhất giữa các mốc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và tầm nhìn dài hạn 100 năm.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở dự báo dân số, cơ cấu độ tuổi, phân bố dân cư, tốc độ đô thị hóa, biến động cơ học, khả năng tiếp cận giao thông, năng lực hạ tầng xã hội và nhu cầu thực tế; không xác định cứng nhắc theo địa giới hành chính mà linh hoạt tổ chức theo mô hình liên xã, liên phường khi phù hợp.

- Phân bổ các cơ sở giáo dục, đặc biệt là đại học và trung tâm đổi mới sáng tạo, bám sát cấu trúc “đa cực, đa trung tâm, đa tầng” và 9 trục động lực phát triển của Hà Nội theo định hướng Quy hoạch tổng thể tầm nhìn 100 năm.

- Ưu tiên trường công lập tại khu vực đông dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, địa bàn có sĩ số cao; đồng thời phát triển hài hòa giáo dục công lập và ngoài công lập, huy động nguồn lực xã hội đúng quy định.

- Mỗi nhiệm vụ phải xác định rõ sản phẩm, tiến độ, đơn vị đầu mối trong Sở, các phòng thuộc Sở phối hợp và nguồn lực; thường xuyên cập nhật, đánh giá, điều chỉnh theo biến động dân số, khoa học - công nghệ và khả năng cân đối nguồn lực.

- Các chỉ tiêu quỹ đất trong Quy hoạch tổng thể là định hướng chung; khi lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư phải tuân thủ đầy đủ quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành, yêu cầu về an toàn trường học, phòng cháy, chữa cháy, môi trường và các quy định pháp luật hiện hành.

- Việc phân công thực hiện theo nguyên tắc một nhiệm vụ có một đơn vị đầu mối; các phòng phối hợp chịu trách nhiệm về nội dung thuộc lĩnh vực được giao. Đơn vị đầu mối trong Sở có trách nhiệm tham mưu, tổng hợp và phối hợp với cơ quan ngoài Sở theo phân công của Thành phố.

- Bám sát theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 về việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường chuyên biệt công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội và Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 27/7/2026 về việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, đại học công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội của UBND Thành phố.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hiện trạng và yêu cầu đặt ra

1.1. Hiện trạng mạng lưới năm học 2025-2026

Theo số liệu hiện trạng mạng lưới, quy mô từng cấp học, loại hình như sau:

Cấp học	Số cơ sở giáo dục	Số lớp	Số học sinh	Loại hình	Bình quân/lớp
Mầm non	1.156	23.939	491.355	816 công lập; 340 tư thục	20,5
Tiểu học	783	20.655	756.715	729 công lập; 54 tư thục	36,6
Trung học cơ sở	669	16.064	653.946	617 công lập; 52 tư thục	40,7
Trung học phổ thông	247	7.708	314.608	124 công lập; 09 hiệp quản; 114 tư thục	40,8
Trung tâm GDNN-GDTX	29	1.519	59.176	Mạng lưới trung tâm công lập	39,0

Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn Thành phố có 193 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: 60 trường cao đẳng (25 trường công lập do Trung ương quản lý, 10 trường công lập thuộc Thành phố, 25 trường ngoài công lập); 79 trường trung cấp (09 trường công lập do Trung ương quản lý, 09 trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, 61 trường ngoài công lập); 54 trung tâm giáo dục nghề nghiệp (09 trung tâm công lập do Trung ương quản lý, 02 trung tâm công lập thuộc Thành phố, 43 trung tâm ngoài công lập).

Mạng lưới hiện có quy mô lớn, song phân bố chưa đồng đều. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, một số xã, phường có tốc độ đô thị hóa và tăng dân số nhanh, sĩ số học sinh/lớp cao; trong khi khu vực nội đô gặp khó khăn về quỹ đất mở rộng. Điều này đòi hỏi phải đồng bộ việc phát triển nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp với đầu tư hạ tầng giáo dục và quản lý chặt chẽ các ô đất trường học.

1.2. Kết quả rà soát danh mục quy hoạch mạng lưới

a) Số liệu tổng hợp do các xã, phường đề xuất như sau:

Danh mục	Tổng số trường	MN	TH	THCS	THPT
Danh mục theo quy hoạch mạng lưới giai đoạn 2026-2030 (Mẫu 3 - Biểu 04 Phụ lục số 01)	875	328	262	239	46

Danh mục	Tổng số trường	MN	TH	THCS	THPT
Danh mục đề xuất điều chỉnh, bổ sung ngoài quy hoạch mạng lưới (Mẫu 4 - Biểu 05 Phụ lục số 01)	600	214	180	164	42

(Chi tiết theo Phụ lục số 01)

b) Danh sách định hướng xây mới, cải tạo các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học giai đoạn 2026-2030, định hướng sau năm 2030 đến năm 2050: Tổng số dự án: 88 dự án (Chi tiết theo Phụ lục số 02).

c) Danh mục định hướng dự án xã hội hóa (ngoài ngân sách): 56 dự án (Chi tiết theo Phụ lục số 03).

1.3. Những vấn đề cần tập trung giải quyết

- Quy mô sĩ số học sinh/lớp cao, áp lực tuyển sinh tại các khu vực đô thị hóa nhanh, khu đô thị mới, khu công nghiệp và địa bàn có biến động dân số cơ học lớn.

- Quỹ đất giáo dục tại khu vực nội đô hạn chế; một số ô đất trường học còn chậm triển khai, chưa được giải phóng mặt bằng theo tiến độ hoặc cần rà soát lại tính pháp lý và khả năng tiếp cận; cần có các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô năm 2026 (sửa đổi) để tháo gỡ khó khăn vướng mắc.

- Nhu cầu cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới lại trường xuống cấp, bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, nhà thể chất, thiết bị dạy học, hạ tầng số và điều kiện để đạt chuẩn quốc gia còn lớn.

- Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học cần tiếp tục sắp xếp, phân bố lại, gắn chặt với các cực tăng trưởng, khu công nghệ cao, doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Việc phát triển mạng lưới phải đi đôi với dự báo đội ngũ, biên chế, kinh phí hoạt động và cơ chế quản trị; tránh tình trạng có công trình nhưng chưa đủ nhân lực, thiết bị hoặc nguồn chi vận hành.

- Việc tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập, trung tâm GDTX-GDNN, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo mô hình trường quy mô lớn, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 và Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu định hướng

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo đúng định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá của Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm. Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực châu Á; giữ vững vị thế dẫn đầu cả nước, khẳng định vai trò định hướng, dẫn dắt, tiêu biểu trong phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

Phát triển giáo dục và đào tạo Thủ đô theo hướng toàn diện, hiện đại và hội nhập sâu rộng; gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục và đào tạo với y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa và phát triển con người; phù hợp chỉ đạo tại Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 10/7/2026 và Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội, qua đó góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững Thủ đô và đất nước, xây dựng con người Hà Nội hiện đại, bản sắc, văn minh, nhân văn, sáng tạo và hội nhập.

2.2. Mục tiêu theo giai đoạn

Đến năm 2030:

Giáo dục và đào tạo Hà Nội phát triển theo hướng toàn diện, hiện đại và chất lượng cao, bảo đảm vững chắc nền tảng giáo dục đại trà, đồng thời tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục mũi nhọn và các mô hình giáo dục có vai trò nòng cốt; từng bước tiệm cận trình độ tiên tiến của khu vực và quốc tế, qua đó khẳng định vai trò tiên phong, làm mẫu của Thành phố trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về trường, lớp; triển khai các dự án cấp bách, xây dựng nền tảng dữ liệu và bản đồ số mạng lưới giáo dục.

Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông theo hướng công bằng, đồng đều, thực chất; phát triển toàn diện trí tuệ, phẩm chất, thể chất, kỹ năng sống, ngoại ngữ, năng lực số và khả năng thích ứng của học sinh. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, văn hóa, thân thiện, hạnh phúc, chú trọng chăm sóc sức khỏe học đường.

Giữ vững vị trí là một trong những đơn vị dẫn đầu cả nước về giáo dục mũi nhọn, nâng cao chất lượng phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, tiệm cận chuẩn mực khu vực và quốc tế về tư duy khoa học, nghiên cứu, sáng tạo và hội nhập.

Phát triển trường chuyên tiệm cận quốc tế, trường tiên tiến, hiện đại nhiều cấp học, trường công lập chất lượng cao; thúc đẩy STEM/STEAM, giáo dục số và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

Tăng cường liên thông, mở và linh hoạt giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hướng nghiệp, phân luồng và đào tạo nhân lực. Giáo dục nghề nghiệp được xác định là trụ cột quan trọng trong hệ thống giáo dục - đào tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô và hội nhập quốc tế

Hình thành hệ sinh thái học tập suốt đời, từng bước đưa Hà Nội trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của quốc gia.

Đến năm 2035: Cơ bản hoàn thiện, vận hành ổn định các mô hình trường trung học phổ thông chuyên tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế, trường tiên tiến, hiện đại nhiều cấp học, trường chất lượng cao, trường học thông minh; nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục công lập tại các khu vực phát triển mới; hoàn thiện chuỗi liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và doanh nghiệp; phát triển giáo dục nghề nghiệp, đại học theo hướng mở, linh hoạt, gắn với nhu cầu thị trường lao động; tiếp tục thu hẹp chênh lệch giữa các khu vực, nhóm đối tượng, bảo đảm công bằng thực chất trong tiếp cận giáo dục chất lượng cao, hướng tới đưa giáo dục Thủ đô tiệm cận trình độ tiên tiến hàng đầu châu Á.

Đến năm 2045: Hình thành hệ sinh thái giáo dục mở, sáng tạo, hiện đại và hội nhập; phát triển đồng bộ các khu giáo dục, đào tạo, nghiên cứu tại Hòa Lạc, Xuân Mai, Sơn Tây và các cực tăng trưởng; thu hẹp bền vững chênh lệch về điều kiện học tập giữa các khu vực; là xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trình độ tiên tiến của thế giới, sở hữu năng lực cạnh tranh vượt trội ở các lĩnh vực công nghệ cao, và đáp ứng hoàn toàn nhu cầu nhân lực tay nghề đỉnh cao của một nước phát triển; trở thành quốc gia có giáo dục nghề nghiệp phát triển hàng đầu khu vực ASEAN và tiệm cận mức độ hiện đại toàn cầu.

Đến năm 2065: Hà Nội trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu châu Á, có nhiều cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc tế, thu hút và phát triển nhân tài trong nước và quốc tế; Giáo dục nghề nghiệp được định hình trở thành hệ thống lao động kỹ năng thông minh, tích hợp sâu với trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa toàn diện và xã hội học tập suốt.

Đến năm 2085 và tầm nhìn 100 năm: Duy trì hệ thống giáo dục tiên tiến toàn cầu, quản trị bằng dữ liệu, thích ứng linh hoạt với biến đổi dân số, công nghệ và phương thức học tập; xây dựng Hà Nội thành trung tâm tri thức, học tập suốt đời và sáng tạo có tầm ảnh hưởng quốc tế.

2.3. Chỉ tiêu định hướng về mạng lưới và quỹ đất

- Bảo đảm chỉ tiêu học sinh theo quy mô dân số, cụ thể như sau:
 - + Mầm non: 50 cháu/1000 người; đất tối thiểu 12m²/học sinh;
 - + Tiểu học: 65 học sinh/1000 người; đất tối thiểu 10m²/học sinh;
 - + THCS: 55 học sinh/1000 người; đất tối thiểu 10m²/học sinh;
 - + THPT: 40 học sinh/1000 người; đất tối thiểu 10m²/học sinh; từ 3-5 vạn dân bố trí 01 trường THPT công lập.

- Bảo đảm mỗi xã, phường, đơn vị ở có trường mầm non công lập, trường tiểu học công lập và trường trung học cơ sở công lập và các phân hiệu/điểm trường phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng tiếp cận. Bám sát theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 272/KH-

UBND ngày 10/7/2026 và Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.

- Bố trí trường trung học phổ thông công lập theo định hướng khoảng 03-05 vạn dân có 01 trường, phù hợp với nhu cầu người học và phân bố dân cư.

- Bảo đảm quỹ đất xây dựng trường học các cấp tối thiểu khoảng 10-12 m²/người học; trong đó mầm non tối thiểu 12 m²/trẻ, giáo dục phổ thông tối thiểu 10 m²/học sinh.

- Quy hoạch mô hình trường liên cấp có diện tích từ 05 ha trở lên tại các khu vực đô thị mở rộng; phát triển trường có nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại và trường chất lượng cao tại nơi có điều kiện; trường phổ thông liên cấp.

- Đối với khu vực nội đô không còn quỹ đất mở rộng, nghiên cứu cơ chế đặc thù cho phép nâng tầng, tăng mật độ xây dựng, khai thác không gian phù hợp trên cơ sở bảo đảm đầy đủ yêu cầu an toàn, phòng cháy, chữa cháy, giao thông, sân chơi, cây xanh và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030, 2035, 2045 và phân công theo dõi của các phòng thuộc Sở được tổng hợp tại **Phụ lục số 04** kèm theo Kế hoạch này.

3. Các nhóm nhiệm vụ triển khai

Kế hoạch xác định 09 nhóm nhiệm vụ với 41 nội dung công việc; phân công đơn vị đầu mối và các phòng thuộc Sở phối hợp tại **Phụ lục số 04**, gồm:

3.1. Quy hoạch, mạng lưới, dữ liệu và giám sát: Rà soát, hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục; xây dựng mô hình dự báo quy mô người học; chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai, trường lớp, cơ sở vật chất; xây dựng bản đồ GIS và cơ chế theo dõi, cập nhật, cảnh báo sớm địa bàn có nguy cơ quá tải trường, lớp.

3.2. Chất lượng giáo dục, mô hình trường và giáo dục mũi nhọn: Phát triển trường chuyên tiệm cận quốc tế, trường chất lượng cao, trường tiên tiến, hiện đại nhiều cấp học; phổ cập STEM/STEAM, ngoại ngữ, kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo; tăng cường giáo dục tài năng và các mô hình giáo dục dẫn dắt.

3.3. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và phát triển nguồn nhân lực: Sắp xếp mạng lưới GDNN; phát triển trường cao đẳng trọng điểm, trung tâm quốc gia/vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; triển khai Đề án nguồn nhân lực chất lượng cao; phối hợp phát triển các khu đô thị đại học và hệ sinh thái đào tạo gắn với doanh nghiệp.

3.4. Phát triển đội ngũ và đổi mới quản trị giáo dục: Dự báo nhu cầu giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên trường học; đổi mới tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân lực chất lượng cao; phát triển mô hình giáo viên liên kết và quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, kết quả đầu ra.

3.5. Phổ cập, học tập suốt đời và giáo dục chuyên biệt: Thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; phát triển trung tâm học tập cộng đồng, nền tảng học tập suốt

đời; bố trí quỹ đất và đầu tư trường chuyên biệt, giáo dục hòa nhập, bảo đảm cơ hội học tập cho người khuyết tật và nhóm yếu thế.

3.6. Chuyển đổi số và giáo dục thông minh: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu giáo dục dùng chung; số hóa tuyển sinh, thi cử, quản trị; phát triển nền tảng học tập số, mô hình trường học số, học liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

3.7. Hợp tác, hội nhập và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Thiết lập mạng lưới Thành phố - đại học - doanh nghiệp - viện nghiên cứu; mở rộng liên kết giáo dục, chương trình tích hợp, dạy học bằng ngoại ngữ; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và “thung lũng công nghệ” tại Hòa Lạc.

3.8. Cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và truyền thông: Hoàn thiện định mức, giá dịch vụ, chính sách học phí và học bổng; huy động nguồn lực đầu tư công, ngân sách cấp xã, PPP, xã hội hóa, tài trợ hợp pháp; tăng cường truyền thông về giáo dục Thủ đô.

3.9. Văn hóa học đường, giáo dục thể chất và sức khỏe học sinh: Xây dựng môi trường học đường an toàn, văn minh, hạnh phúc; tăng cường giáo dục thể chất, thể thao học đường, y tế học đường và quản lý sức khỏe, dinh dưỡng học sinh bằng công nghệ số.

4. Danh mục dự án, chương trình ưu tiên

4.1. Danh mục định hướng trường trung học phổ thông, trường phổ thông nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Danh mục tại Phụ lục số 02 gồm 88 nội dung định hướng xây mới, chuyển địa điểm, cải tạo hoặc mở rộng trường trung học phổ thông, trường phổ thông nhiều cấp học, cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân kỳ chủ yếu giai đoạn 2026-2030 và định hướng sau năm 2030 đến năm 2050. Danh mục là cơ sở để rà soát sự phù hợp với quy hoạch chi tiết, nhu cầu dân số, quỹ đất, loại hình đầu tư và khả năng cân đối nguồn lực trước khi quyết định chủ trương đầu tư.

4.2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

Theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND Thành phố, lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được bố trí 66 dự án chuyển tiếp và 16 dự án mới. Trên cơ sở rà soát nhu cầu cấp bách, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đề xuất bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn như sau:

Nhóm	Nội dung	Số dự án	Kế hoạch vốn dự kiến (triệu đồng)
A	Khôi trường THPT và cơ quan Sở	13	3.053.754
B	Cải tạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp	02	1.298.191
C	Các dự án đã được giao nhiệm vụ	05	2.677.907

Nhóm	Nội dung	Số dự án	Kế hoạch vốn dự kiến (triệu đồng)
D	Các dự án thuộc Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/01/2026	07	4.170.000
	Cộng nguồn ngân sách Thành phố	27	11.199.852
	Nguồn ngân sách cấp xã	02	378.648
	Tổng số đề xuất bổ sung	29	11.578.500

Trong đó, ưu tiên áp dụng cơ chế “làn xanh” để đẩy nhanh thủ tục đối với 06 dự án trường THPT công lập mới, phân đầu sớm đưa vào sử dụng, gồm:

STT	Dự án	Địa điểm	Quy mô	Nguồn dự kiến
1	Trường THPT tại 14 Mạc Thị Bưởi	Phường Vĩnh Tuy	30 lớp, 1.350 học sinh	Ngân sách Thành phố
2	Trường THPT tại ô đất 5-1, Quy hoạch phân khu S4	Phường Dương Nội	45 lớp	Ngân sách Thành phố
3	Trường THPT tại ô đất 15-1, Quy hoạch phân khu S4	Phường Kiến Hưng	50 lớp, 2.250 học sinh	Ngân sách Thành phố
4	Trường THPT Lạc Long Quân tại ô B2.5-THPT01, Khu đô thị Thanh Hà	Xã Bình Minh	50 lớp, 2.250 học sinh	Ngân sách Thành phố
5	Trường THPT Thuận An 1	Xã Thuận An	50 lớp, 2.250 học sinh	Ngân sách Thành phố
6	Trường THPT tại ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết hai bên tuyến Nhật Tân - Nội Bài	Xã Vĩnh Thanh	Diện tích khoảng 2,9 ha	Ngân sách cấp xã

Đồng thời, tiếp tục triển khai 04 dự án đã được giao nhiệm vụ:

STT	Dự án	Địa điểm	Thời gian
1	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến, hiện đại tại Hoài Đức	Xã Hoài Đức	2025-2027
2	Trường liên cấp tại Chương Mỹ	Phường Chương Mỹ	2025-2027

STT	Dự án	Địa điểm	Thời gian
3	Trường THPT tại ô 2/THPT1, khu vực Nhật Tân	Phường Tây Hồ	2026-2030
4	Trường THPT Tây Tựu	Phường Tây Tựu	2026-2030

Đối với trường phổ thông chuyên biệt cho trẻ khuyết tật, địa điểm được đề xuất tại trụ sở UBND phường Mai Dịch (cũ) có diện tích hơn 3.000 m², chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng trường; địa phương đề xuất giữ lại để sử dụng vào mục đích khác. Do đó, cần tiếp tục rà soát, xác định địa điểm thay thế phù hợp về chỉ tiêu đất đai, quy mô và khả năng tiếp cận.

Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư xây dựng cải tạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp giai đoạn 2026-2030 gồm: (1) Xây dựng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội tại 98 phố Dương Quảng Hàm, quận Cầu Giấy nay là phường Nghĩa Đô; (2) Nâng cấp tổng thể Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội phường Tây Tựu; (3) Dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội tại cơ sở Thường Tín; (4) Trường Đại học Thủ đô, tại số 131 thôn Đặc Tài, xã Sóc Sơn; (5) Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội tại cơ sở phường Từ Liêm, Thanh Xuân, Xuân Phương; (6) Trường Cao đẳng nghề thuật Hà Nội phường Cửa Nam; (7) Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây.

(Chi tiết có Phụ lục số 05 kèm theo)

5. Tiến độ thực hiện theo giai đoạn

5.1. Giai đoạn 2026-2030

- Hoàn thành rà soát mục tiêu, chỉ tiêu, mạng lưới, quỹ đất; chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và bản đồ số; xây dựng danh mục đầu tư ưu tiên theo kế hoạch 05 năm.

- Tập trung giải quyết các điểm nóng về quá tải trường lớp; triển khai 06 trường THPT công lập cấp bách, 06 trường phổ thông nhiều cấp học tiên tiến, hiện đại, chất lượng cao và các dự án cải tạo để đạt chuẩn quốc gia.

- Thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về STEM/STEAM, Đề án nguồn nhân lực chất lượng cao, học bổng sinh viên ngành công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Hòa Lạc.

- Rà soát, sắp xếp cơ sở GDNN, GDTX, đại học công lập thuộc Thành phố; đầu tư một số trường cao đẳng, trung cấp trọng điểm và hạ tầng phục vụ chuyển đổi số.

5.2. Giai đoạn 2031-2035

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường học tại các khu đô thị, cực tăng trưởng và địa bàn tăng dân số nhanh; cơ bản bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục công lập theo định hướng Quy hoạch.

- Hoàn thiện, vận hành các mô hình trường chuyên tiệm cận quốc tế, trường chất lượng cao, trường thông minh; phối hợp phấn đấu có 02 cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn có một số ngành thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới.

5.3. Giai đoạn 2036-2045

- Phát triển các khu giáo dục, đào tạo tập trung tại trung tâm Thành phố, Long Biên - Gia Lâm, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai; gắn đào tạo với nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hệ thống giao thông công cộng.

- Hiện đại hóa đồng bộ cơ sở vật chất, đội ngũ và quản trị; cơ bản thu hẹp chênh lệch lớn về điều kiện học tập giữa nội thành, ngoại thành và các nhóm đối tượng.

5.4. Giai đoạn 2046-2065

Hoàn thiện hệ thống giáo dục xanh, thông minh, số hóa, bao trùm và có năng lực thích ứng cao; phát triển Hà Nội thành trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và nguồn nhân lực có uy tín quốc tế.

5.5. Giai đoạn 2066-2085 và tầm nhìn sau năm 2085

Duy trì, nâng cao chất lượng, đổi mới liên tục; quản trị mạng lưới bằng dữ liệu và mô hình dự báo; điều chỉnh linh hoạt theo cơ cấu dân số, công nghệ và nhu cầu xã hội tương lai.

6. Nguồn lực và nguyên tắc sử dụng nguồn lực

6.1. Nguồn lực thực hiện

- Ngân sách Thành phố, ngân sách xã, phường, ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, kinh phí chi thường xuyên và các chương trình, đề án có liên quan.

- Nguồn lực đất đai, tài sản công, quỹ đất giáo dục trong quy hoạch; quỹ đất sau di dời trụ sở, trường đại học, cơ sở GDNN, nhà máy, xí nghiệp; cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ, FDI, ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định; khuyến khích đầu tư ngoài công lập tại khu vực có điều kiện và nhu cầu đa dạng.

- Nguồn nhân lực nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế; nguồn lực dữ liệu, nền tảng số và công nghệ.

6.2. Nguyên tắc sử dụng

- Tập trung, tránh dàn trải; ưu tiên dự án cấp bách, có tác động trực tiếp đến giảm quá tải, tăng cơ hội tiếp cận giáo dục công lập, bảo đảm phổ cập và nâng cao chất lượng.

- Gắn quyết định đầu tư với dự báo dân số, nhu cầu người học, quỹ đất, khả năng sử dụng lâu dài, chi phí vận hành và khả năng bố trí đội ngũ.

- Bảo đảm cân đối giữa xây dựng cơ sở vật chất với trang thiết bị, chương trình, học liệu số, đội ngũ và kinh phí hoạt động; tăng cường giám sát hiệu quả đầu tư sau hoàn thành.

- Không điều chỉnh giảm hoặc chuyển đổi chức năng đất giáo dục khi chưa đánh giá đầy đủ nhu cầu và chưa bố trí quỹ đất thay thế có vị trí, diện tích, khả năng tiếp cận tương đương hoặc tốt hơn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc điều hành và phối hợp

- Ban Giám đốc chỉ đạo các nhóm nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công. Phòng Kế hoạch - Tài chính là đơn vị thường trực, theo dõi tổng thể việc triển khai Kế hoạch.

- Phòng Kế hoạch – Tài chính là đơn vị đầu mối trong Sở chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, chuẩn bị hồ sơ, dự thảo sản phẩm, xác định nhu cầu kinh phí, chủ động phối hợp với các phòng thuộc Sở và cơ quan, đơn vị ngoài Sở; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và tính thống nhất của số liệu, nội dung tham mưu.

- Các phòng phối hợp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, hồ sơ, ý kiến chuyên môn và cử đầu mối tham gia theo yêu cầu; đối với nhiệm vụ liên quan nhiều cấp học, mỗi phòng cấp học chịu trách nhiệm nội dung thuộc phạm vi quản lý, đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp chung.

- Việc phân công tại **Phụ lục số 04** đối với nhiệm vụ do cơ quan khác chủ trì cấp Thành phố, phòng được giao đầu mối có trách nhiệm tham mưu nội dung tham gia của Sở và phối hợp thực hiện theo yêu cầu.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Là đơn vị thường trực của Kế hoạch; chủ trì tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất; tham mưu điều chỉnh, cập nhật Kế hoạch khi Quy hoạch tổng thể hoặc các chương trình, kế hoạch của Thành phố được điều chỉnh.

- Chủ trì các nội dung về quy hoạch mạng lưới, dự báo quy mô người học, quỹ đất, cơ sở vật chất, đầu tư công, tài chính, xã hội hóa, thống kê và cơ sở dữ liệu dùng chung; tổng hợp nhu cầu nguồn lực do các phòng đề xuất.

- Là đầu mối tham mưu các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục số 04, nhất là giảm sĩ số, chính sách tài chính, danh mục đầu tư trường học, trường chuyên biệt và cơ chế giám sát thực hiện Quy hoạch.

3. Văn phòng

- Chủ trì tham mưu chuyển đổi số, quản trị số, bộ tiêu chí trường học số, an toàn thông tin, truyền thông trong GDDT phục vụ triển khai Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc xử lý văn bản, hồ sơ và công khai thông tin theo quy định.

4. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì tham mưu sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục; dự báo nhu cầu đội ngũ, vị trí việc làm, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và cơ chế thu hút nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân lực chất lượng cao.

- Phối hợp bảo đảm sự đồng bộ giữa tiến độ đầu tư trường học với phương án tổ chức bộ máy, biên chế, đội ngũ và kinh phí hoạt động.

5. Phòng Kiểm tra chuyên ngành

- Tham mưu lồng ghép nội dung kiểm tra chuyên ngành vào chương trình, kế hoạch kiểm tra hằng năm; kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật, tiến độ, chất lượng và trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch theo thẩm quyền.

- Phối hợp rà soát tính pháp lý của cơ chế, chính sách, đề án, dự án; kiến nghị khắc phục hạn chế, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm phát hiện qua kiểm tra.

6. Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục

- Chủ trì các nội dung về thi, tuyển sinh thuộc phạm vi được giao, số hóa tuyển sinh đầu cấp, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn quốc gia, hệ thống tiêu chí và đánh giá chất lượng các mô hình trường.

- Phối hợp xây dựng dữ liệu chất lượng, bộ chỉ tiêu theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tham gia các nhiệm vụ số hóa thi, tuyển sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

7. Phòng Chính trị, tư tưởng và Công tác học sinh, sinh viên

- Chủ trì các nội dung về giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa học đường, công tác học sinh, sinh viên, giáo dục thể chất, thể thao trường học, y tế học đường, sức khỏe và dinh dưỡng học sinh.

- Phối hợp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, văn minh, hạnh phúc, xanh và hội nhập; cung cấp dữ liệu, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách phục vụ đánh giá Kế hoạch.

8. Phòng Giáo dục mầm non

- Chủ trì nội dung phát triển giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; rà soát nhu cầu trường, lớp, đội ngũ và cơ sở vật chất cấp mầm non.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch mạng lưới cấp mầm non, giảm sĩ số trẻ/lớp, nhóm lớp ở một số địa bàn có sĩ số trẻ/lớp, nhóm lớp cao hơn quy định, trường học số và giáo dục hòa nhập.

9. Phòng Giáo dục tiểu học

- Chủ trì, tham mưu nội dung chuyên môn giáo dục tiểu học; rà soát nhu cầu trường, lớp, đội ngũ; nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục STEM/STEAM, kỹ năng số và xây dựng mô hình trường tiểu học tiên tiến, hiện đại.

- Phối hợp số hóa tuyển sinh lớp 1, giảm sĩ số, phát triển trường nhiều cấp học, trường học số, giáo dục hòa nhập và kiểm định chất lượng giáo dục.

10. Phòng Giáo dục trung học

- Chủ trì nội dung chuyên môn giáo dục trung học; phát triển trường THPT chuyên tiệm cận quốc tế, trường chất lượng cao, trường tiên tiến, hiện đại nhiều cấp học; giáo dục STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo, ngoại ngữ, giáo dục mũi nhọn và phát triển tài năng.

- Phối hợp rà soát mạng lưới, tuyển sinh, giảm sĩ số, đầu tư trường THPT, trường chuyên biệt, đổi mới chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

11. Phòng Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học

- Chủ trì các nội dung về giáo dục thường xuyên, xóa mù chữ, xã hội học tập, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, liên kết nhà trường - viện nghiên cứu - doanh nghiệp và các khu giáo dục, đào tạo, đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì hoặc làm đầu mối tham gia các nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu GDNN, sắp xếp mạng lưới GDNN, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình đào tạo kỹ năng số, học bổng ngành công nghệ, phát triển đại học và hệ sinh thái Hòa Lạc.

12. Phòng Giáo dục tư thực và có yếu tố nước ngoài

- Chủ trì tham mưu phát triển giáo dục tư thực, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, chương trình tích hợp, dạy học bằng tiếng nước ngoài, hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục theo thẩm quyền.

- Phối hợp huy động nguồn lực xã hội, phát triển các mô hình trường chất lượng cao, trường quốc tế, trường học thông minh; rà soát các dự án, cơ sở giáo dục ngoài công lập trong danh mục mạng lưới.

13. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện tại đơn vị; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời số liệu, hồ sơ và đề xuất nhu cầu đầu tư, đội ngũ, chương trình, thiết bị cho phòng đầu mối.

- Chủ động phối hợp triển khai thí điểm các mô hình mới; đánh giá hiệu quả, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để nhân rộng.

14. Chế độ theo dõi, báo cáo

- Các phòng được giao đầu mối cập nhật tiến độ, sản phẩm và khó khăn, vướng mắc; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở; tham mưu sơ kết theo chu kỳ và đánh giá giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 hoặc khi Quy hoạch tổng thể được điều chỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Các Sở: QHKT, XD;
- Thanh tra Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Tuấn

DANH MỤC TÀI LIỆU, PHỤ LỤC KÈM THEO

STT	Tài liệu	Nội dung
01	Phụ lục số 01	Tổng hợp danh mục quy hoạch mạng lưới trường học cấp xã phường
02	Phụ lục số 02	Danh sách định hướng xây mới, cải tạo các trường THPT và trường phổ thông nhiều cấp học giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030 đến năm 2050
03	Phụ lục số 03	Danh mục các dự án xã hội hóa (ngoài ngân sách)
04	Phụ lục số 04	Danh mục chỉ tiêu, nhiệm vụ và phân công các phòng thuộc Sở.
05	Phụ lục số 05	Tổng hợp danh mục đầu tư công giai đoạn 2026-2030